TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 24-02-2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và bà Lê Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Xuân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2022/TLST-HNGĐ ngày 14-11-2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-01-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02-02-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Lưu Văn G, sinh năm 1967 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H trình bày:

Tôi kết hôn với anh Lưu Văn G năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thanh, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, cả hai không tìm được tiếng nói chung về nhiều vấn đề. Tôi và anh G đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn cùng nhau vun vén cuộc sống, kinh tế gia đình, mặc ai nấy sống, tài sản cũng đã thỏa thuận chia xong. Nay thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lưu Văn G.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi có 03 con chung là Lưu Yến V, sinh ngày 01-5-2002; Lưu Yến N, sinh ngày 09-01-2005 và Lưu Sơn T, sinh ngày 10-7-2012. Đối với Lưu Yến V đã thành niên, có khả năng lao động, hiện sinh sống

tại thành phố Hồ Chí Minh, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lưu Yến N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Giang cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lưu Sơn T hiện đang ở với anh Giang, tôi có nguyện vọng để anh Giang được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Lưu Sơn T đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lưu Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng từ chối nhận văn bản, không đồng ý ký tên và không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có trình bày.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày chị và anh Lưu Văn G đã ly thân từ năm 2016 đến nay, tài sản đã chia và không thể quay về chung sống cùng nhau do tính tình không hợp; anh G mặc dù biết chị H làm đơn xin ly hôn và biết Tòa án triệu tập đến làm việc, tham gia các phiên họp, phiên tòa nhưng do là người theo đạo nên anh không đến Tòa án để giải quyết ly hôn.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn. Như vậy, về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ.

Bị đơn anh Lưu Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh G.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H và anh Lưu Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh G không có mặt, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Trần Thị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng Lưu Yến N, để anh Lưu Văn G được trực tiếp chăm sóc Lưu Sơn T; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của Lưu Yến N và Lưu Sơn T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lưu Văn G và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Anh Lưu Văn G cư trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh G từ chối hợp tác, từ chối nhận văn bản và không có mặt để làm việc. Kết quả xác minh anh G đăng ký thường trú và sinh sống tại Thôn C, xã N, huyện Đ. Anh Lưu Văn G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lưu Văn G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thanh, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng ngày 04-12-2000 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống vợ chồng anh chị không được hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Chị H, anh G đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh chị đã không còn cùng nhau vun vén cuộc sống, kinh tế gia đình. Điều này cũng phù hợp với xác nhận của Chi hội phụ nữ Thôn C, xã N, huyện Đ. Tại các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, anh G không hợp tác, không có mặt để làm việc cũng là một phần cơ sở để xác định anh chị không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Lưu Văn G.

Về con chung: Anh Lưu Văn G và chị Trần Thị H có 03 con chung là Lưu Yến V, sinh ngày 01-5-2002; Lưu Yến N, sinh ngày 09-01-2005 và Lưu Sơn T, sinh ngày 10-7-2012. Lưu Yến V đã thành niên, có khả năng lao động và không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Chị Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lưu Yến N đến tuổi trưởng thành, Lưu Yến N là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu, giao Lưu Yến N cho chị Hà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với Lưu Sơn T, hiện tại đang do anh Lưu Văn G chăm sóc, quá trình giải quyết vụ án, Lưu Sơn T có nguyện vọng được ở với anh G và chị H cũng đề nghị Tòa án giao Lưu Sơn T cho anh G nuôi dưỡng; bên cạnh đó Lưu Sơn T là con trai. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Lưu Sơn T cho G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với anh Lưu Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lưu Văn G.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Trần Thị H và anh Lưu Văn G là Lưu Yến N, sinh ngày 09-01-2005 cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con chung của chị Trần Thị H và anh Lưu Văn G là Lưu Sơn T, sinh ngày 10-7-2012 cho anh Lưu Văn G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005021 ngày 01 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- UBND xã Lộc Thanh, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨN PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà